

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **304/2021/QĐST-HNGĐ**

Biên Hòa, ngày 18 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 363/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Phạm Ngũ V, sinh năm: 1989.

Địa chỉ thường trú: Khu phố 4, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ cư trú: Khu phố 4, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Tạ Thanh Kim H; sinh năm: 1992.

Địa chỉ cư trú: Số A, Khu phố 6, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 04/02/2021, Tòa án nhận đơn của ông V và bà H yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung”. Quá trình vận động hòa giải, ông V, bà H thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 10/3/2021. Ông V cư trú tại phường A, bà H cư trú tại phường L thuộc thành phố Biên Hòa; ông bà đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự; Do đó, đơn yêu cầu của ông V, bà H được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Phạm Ngũ V và bà Tạ Thanh Kim H chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện L (nay là phường A,

thành phố Biên Hoà) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 182, quyển số 01/2011 ngày 11/10/2011. Ông V, bà H có 01 (một) con chung tên Phạm Hoàng Đại Ph, sinh ngày 17/01/2013. Ông V, bà H thỏa thuận giao cháu Ph cho ông V nuôi dưỡng, bà H tạm thời không không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông V và bà H xác định không có tài sản chung, nợ chung.

Trong quá trình chung sống, ông V, bà H thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông V, bà H xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy ông V, bà H thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; sự thỏa thuận của ông V, bà H đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ con, phù hợp nguyện vọng của con chung; do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông V, bà H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Phạm Ngũ V và bà Tạ Thanh Kim H.

- Về con chung: ông Phạm Ngũ V và bà Tạ Thanh Kim H xác định có 01 (một) con chung là Phạm Hoàng Đại Ph, sinh ngày 17/01/2013. Ông V, bà H thỏa thuận giao cháu Ph cho ông V nuôi dưỡng, bà H tạm thời không không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông V, bà H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông V, bà H xác định không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: ông V, bà H mỗi người phải chịu 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0000195 ngày 26/02/2021 của Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, ông V, bà H đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được

thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường A, thành phố B, tỉnh Đ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Huệ